| BỘ XÂY DỰNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 81 /2026/TT-BXD | *Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2026* |

# THÔNG TƯ
## Quy định việc dán nhãn năng lượng đối với vật liệu xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng

*Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 77/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 354/2026/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 30/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng;*

*Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định việc dán nhãn năng lượng đối với vật liệu xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.*

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định danh mục vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng và lộ trình thực hiện; nội dung, quy cách nhãn năng lượng; điều kiện đối với phòng thử nghiệm; hướng dẫn việc công bố, dán nhãn năng lượng; kiểm tra, báo cáo, đình chỉ, thu hồi dán nhãn năng lượng đối với vật liệu xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu, tổ chức, cá nhân phân phối, kinh doanh, kể cả thương mại điện tử vật liệu xây dựng thuộc danh mục phải dán nhãn năng lượng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Phòng thử nghiệm thực hiện thử nghiệm đặc tính nhiệt của vật liệu xây dựng để dán nhãn năng lượng.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc công bố, dán nhãn năng lượng đối với vật liệu xây dựng.

4. Thông tư này không áp dụng đối với vật liệu xây dựng tạm nhập, tái xuất,

quá cảnh, chuyển khẩu; vật liệu xây dựng sản xuất, gia công để xuất khẩu và không tiêu thụ tại Việt Nam; hàng nhập khẩu phi thương mại, quà biếu, quà tặng, hàng mẫu, hàng trưng bày, hàng phục vụ nghiên cứu, thử nghiệm không đưa ra thị trường; vật liệu xây dựng phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhãn năng lượng đối với vật liệu xây dựng quy định tại Thông tư này là nhãn cung cấp thông tin về đặc tính nhiệt giúp người tiêu dùng so sánh với các sản phẩm cùng loại trên thị trường để nhận biết và lựa chọn sản phẩm tiết kiệm năng lượng.

2. Đặc tính nhiệt của vật liệu xây dựng là các đặc tính liên quan đến khả năng dẫn nhiệt, hấp thụ, phản xạ và phát xạ bức xạ nhiệt của vật liệu, có ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng năng lượng của công trình, bộ phận công trình hoặc hệ thống kỹ thuật trong công trình.

3. Kiểu, loại sản phẩm là nhóm sản phẩm có cùng tên thương mại, cấu tạo cơ bản, dây chuyền sản xuất, mục đích sử dụng và thông số kỹ thuật chủ yếu ảnh hưởng đến đặc tính nhiệt của vật liệu xây dựng.

4. Hệ số dẫn nhiệt, ký hiệu λ, là đại lượng đặc trưng cho khả năng dẫn nhiệt của vật liệu xây dựng, được xác định theo tiêu chuẩn phương pháp thử tương ứng, đơn vị đo là W/m.K.

5. Hệ số truyền năng lượng mặt trời tổng cộng (hoặc Hệ số hấp thụ nhiệt mặt trời), ký hiệu SHGC, còn gọi là g-value là phần năng lượng mặt trời truyền qua kính và các vật liệu xuyên sáng, được xác định theo tiêu chuẩn phương pháp thử tương ứng.

6. Chỉ số phản xạ năng lượng mặt trời, ký hiệu SRI, là khả năng phản xạ bức xạ mặt trời và phát xạ nhiệt của bề mặt vật liệu, được xác định theo tiêu chuẩn phương pháp thử tương ứng.

7. Hệ số truyền nhiệt, ký hiệu U-value, là đại lượng đặc trưng cho khả năng truyền nhiệt qua một đơn vị diện tích của cấu kiện hoặc bộ phận vỏ bao che công trình (như cửa, hệ kính), được xác định theo tiêu chuẩn phương pháp thử tương ứng, đơn vị $W/(m^2 \cdot K)$.

## Chương II
## DANH MỤC VẬT LIỆU XÂY DỰNG, CÔNG BỐ DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

**Điều 4. Danh mục vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng và lộ trình thực hiện**

1. Vật liệu xây dựng đưa vào danh mục phải dán nhãn năng lượng đáp ứng các tiêu chí sau đây:

a) Sử dụng cho lớp vỏ bao che công trình, có đặc tính nhiệt liên quan đến hiệu quả sử dụng năng lượng của công trình hoặc bộ phận công trình;

b) Có tiêu chuẩn phương pháp thử để xác định thông số đặc tính nhiệt;

c) Có khả năng thử nghiệm và kiểm chứng thông số đặc tính nhiệt tại các phòng thử nghiệm.

2. Danh mục vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; lộ trình thực hiện như sau:

a) Nhóm 1 dán nhãn năng lượng từ ngày 01 tháng 01 năm 2029;

b) Nhóm 2 dán nhãn năng lượng từ ngày 01 tháng 01 năm 2031.

3. Trước thời điểm quy định phải thực hiện dán nhãn năng lượng, khuyến khích cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu vật liệu xây dựng tự nguyện thực hiện công bố, dán nhãn năng lượng đối với sản phẩm thuộc Phụ lục I. Khi lựa chọn dán nhãn tự nguyện thì việc thử nghiệm, công bố và thể hiện nhãn thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

**Điều 5. Nội dung, quy cách nhãn năng lượng**

1. Nhãn năng lượng bao gồm các nội dung sau:

a) Tên hoặc tên viết tắt của cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu;

b) Tên sản phẩm và mã nhận diện kiểu, loại sản phẩm;

c) Đặc tính nhiệt và giá trị công bố tương ứng theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Tiêu chuẩn dùng để xác định đặc tính nhiệt;

đ) Mã tra cứu điện tử (nếu có).

2. Mẫu nhãn năng lượng được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này. Kích thước nhãn phù hợp với sản phẩm, bao bì bảo đảm thông tin phải rõ ràng, dễ nhận biết.

3. Nhãn năng lượng có thể được tích hợp thành một nội dung của nhãn hàng hóa hoặc sử dụng nhãn năng lượng riêng.

**Điều 6. Hồ sơ công bố dán nhãn năng lượng**

Hồ sơ công bố dán nhãn năng lượng đối với vật liệu xây dựng gồm các thành phần quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 30/2026/NĐ-CP, gồm:

a) Thông số kỹ thuật của vật liệu xây dựng, trong đó xác định rõ kiểu, loại sản phẩm và đặc tính nhiệt công bố;

b) Kết quả thử nghiệm đặc tính nhiệt do các phòng thử nghiệm đã được Bộ Xây dựng công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ;

c) Giấy công bố dán nhãn năng lượng theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Mẫu nhãn năng lượng dự kiến.

**Điều 7. Phương thức và trình tự công bố dán nhãn năng lượng**

1. Trước khi đưa vật liệu xây dựng thuộc danh mục phải dán nhãn năng lượng ra thị trường theo lộ trình quy định tại Điều 4 Thông tư này, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu gửi hồ sơ công bố dán nhãn năng lượng đến Bộ Xây dựng bằng phương thức điện tử để công bố trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, đồng thời công bố trên Trang thông tin điện tử của doanh nghiệp.

2. Trường hợp hệ thống thông tin chưa sẵn sàng tiếp nhận, Bộ Xây dựng công bố phương thức thay thế trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.

3. Bộ Xây dựng tiếp nhận hồ sơ, công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ các thông tin sau: tên cơ sở sản xuất hoặc doanh nghiệp nhập khẩu; tên và mã nhận diện kiểu, loại sản phẩm; đặc tính nhiệt công bố; tiêu chuẩn áp dụng; ngày công bố; mẫu nhãn năng lượng.

4. Việc tiếp nhận và công khai thông tin theo Điều này không phải là việc xác nhận, chứng nhận hoặc chấp thuận nội dung công bố. Cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ và sự phù hợp của sản phẩm với nội dung đã công bố.

**Điều 8. Thực hiện dán nhãn năng lượng**

1. Sau khi thực hiện công bố theo Điều 7 Thông tư này, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu tự thực hiện việc dán nhãn năng lượng bằng hình thức dán hoặc in trực tiếp trên sản phẩm hoặc trên bao bì sản phẩm.

2. Cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu, phân phối, kinh doanh, bao gồm kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, có trách nhiệm duy trì việc thể hiện hoặc cung cấp thông tin nhãn năng lượng của sản phẩm theo nội dung đã được cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu công bố.

**Điều 9. Thay đổi thông tin đã công bố**

1. Cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu phải thử nghiệm đặc tính nhiệt và thực hiện công bố lại việc dán nhãn năng lượng khi thay đổi một trong các yếu tố: cấu tạo sản phẩm, nguyên liệu chính, công nghệ sản xuất, nơi sản xuất.

2. Trường hợp chỉ thay đổi tên, địa chỉ, thông tin liên hệ của cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu vật liệu xây dựng hoặc thay đổi tên thương mại, mã nhận diện mà không làm thay đổi kiểu loại sản phẩm và đặc tính nhiệt đã công bố, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu có trách nhiệm công khai thông tin thay đổi trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, đồng thời gửi thông tin thay đổi về Bộ Xây dựng để cập nhật; không phải thử nghiệm lại.

3. Sản phẩm được sản xuất hoặc hoàn thành thủ tục nhập khẩu trước thời điểm thay đổi quy định tại khoản 1 Điều này được tiếp tục lưu thông với nhãn năng lượng đã công bố nếu có tài liệu xác định được thời điểm sản xuất hoặc nhập khẩu và sản phẩm phù hợp với nội dung công bố tại thời điểm đó.

## Chương III
## QUY ĐỊNH PHÒNG THỬ NGHIỆM

### Điều 10. Điều kiện đối với phòng thử nghiệm

1. Phòng thử nghiệm trong nước thực hiện thử nghiệm đặc tính nhiệt của vật liệu xây dựng phải đáp ứng điều kiện kinh doanh dịch vụ thử nghiệm quy định tại Điều 42 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP; phạm vi năng lực thử nghiệm phải phù hợp với sản phẩm, thông số và phương pháp thử tương ứng được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; danh sách phòng thử nghiệm được Bộ Xây dựng công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.

2. Phòng thử nghiệm trong nước phải đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định của Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và gửi thông tin hoạt động thử nghiệm kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đến Bộ Xây dựng (qua Trung tâm Công nghệ thông tin) theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này để công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.

3. Trường hợp sử dụng kết quả thử nghiệm của phòng thử nghiệm nước ngoài, thì phòng thử nghiệm phải được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025 bởi tổ chức công nhận là thành viên ký ILAC MRA (Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau của Tổ chức hợp tác công nhận phòng thí nghiệm quốc tế) hoặc APAC MRA (Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau của Tổ chức hợp tác công nhận khu vực Châu Á Thái Bình Dương).

### Điều 11. Mẫu thử nghiệm và giá trị sử dụng của kết quả thử

1. Mẫu thử nghiệm để công bố dán nhãn năng lượng là mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm hoặc lô sản phẩm.

2. Việc lấy mẫu, số lượng mẫu, kích thước mẫu, chuẩn bị mẫu và điều kiện thử nghiệm thực hiện theo tiêu chuẩn tương ứng.

3. Cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu chịu trách nhiệm về tính đại diện của mẫu thử nghiệm đối với sản phẩm được công bố dán nhãn năng lượng.

4. Kết quả thử nghiệm được sử dụng chung cho sản phẩm cùng kiểu, loại khi các yếu tố có ảnh hưởng tới thông số đặc tính nhiệt của vật liệu xây dựng không thay đổi gồm: thiết kế, nguyên liệu chính, công nghệ hoặc dây chuyền sản xuất.

## Chương IV
## THANH TRA, KIỂM TRA, ĐÌNH CHỈ VÀ THU HỒI DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG

### Điều 12. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện dán nhãn năng lượng

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch hằng năm tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 39 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

**Điều 13. Đình chỉ, thu hồi dán nhãn năng lượng**

1. Các trường hợp đình chỉ, thu hồi dán nhãn năng lượng đối với vật liệu xây dựng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị định số 30/2026/NĐ-CP.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ theo kết quả thanh tra, kiểm tra ra quyết định đình chỉ, thu hồi và gửi thông báo về Bộ Xây dựng để công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

3. Quyết định đình chỉ hoặc thu hồi nhãn năng lượng phải xác định rõ cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu, sản phẩm, phạm vi áp dụng, căn cứ, thời hạn hoặc điều kiện thực hiện biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

4. Cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu có sản phẩm bị đình chỉ hoặc thu hồi nhãn năng lượng có trách nhiệm thực hiện biện pháp khắc phục, xử lý sản phẩm đang lưu thông và công bố lại việc dán nhãn năng lượng khi thuộc trường hợp phải thay đổi thông tin công bố. Việc tiếp tục sử dụng nhãn chỉ được thực hiện khi đáp ứng điều kiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

5. Việc xử lý vi phạm hành chính, xử lý hàng hóa vi phạm và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thực hiện theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

## Chương V
## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 14. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng**

1. Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, công khai thông tin công bố dán nhãn năng lượng; công bố, cập nhật danh sách phòng thử nghiệm đặc tính nhiệt của vật liệu xây dựng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

2. Kiểm tra việc thực hiện thử nghiệm đặc tính nhiệt của vật liệu xây dựng tại các phòng thử nghiệm.

**Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố**

1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện quy định về dán nhãn năng lượng đối với vật liệu xây dựng trên địa bàn theo quy định của Thông tư này và pháp luật có liên quan.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất hoạt động dán nhãn năng lượng đối với vật liệu xây dựng đã được dán nhãn năng lượng đang lưu thông trên thị trường, bao gồm cả kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử.

3. Giao cơ quan quản lý chuyên ngành tiếp nhận, tổng hợp thông tin báo cáo của các cơ sở sản xuất, nhập khẩu vật liệu xây dựng thuộc danh mục phải dán nhãn năng lượng trên địa bàn theo Mẫu số 02 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo

Thông tư này, gửi Bộ Xây dựng trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

**Điều 16. Trách nhiệm của cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu vật liệu xây dựng**

1. Thực hiện việc dán nhãn năng lượng theo quy định tại Thông tư này; công khai thông tin về việc dán nhãn năng lượng trên Trang thông tin điện tử của doanh nghiệp.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ công bố, kết quả thử nghiệm, thông tin trên nhãn năng lượng và thông tin công khai, quảng cáo, giới thiệu sản phẩm.

3. Báo cáo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt cơ sở sản xuất, đăng ký kinh doanh; đồng thời gửi Bộ Xây dựng trước ngày 01 tháng 3 của năm tiếp theo.

**Điều 17. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

2. Vật liệu xây dựng được sản xuất trong nước hoặc hoàn thành thủ tục nhập khẩu trước thời điểm bắt buộc dán nhãn năng lượng đối với nhóm sản phẩm tương ứng theo quy định tại Điều 4 Thông tư này được tiếp tục lưu thông mà không bắt buộc phải dán nhãn năng lượng, nếu có tài liệu chứng minh thời điểm sản xuất hoặc nhập khẩu.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu phản ánh bằng văn bản về Bộ Xây dựng để tổng hợp, nghiên cứu, hướng dẫn theo thẩm quyền hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định./.

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**




**Nguyễn Văn Sinh**

***Nơi nhận:***
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng Trần Hồng Minh (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Lưu: VT, PC, TTr, KHCNMT&VLXD(NTĐ).

**Phụ lục**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 81.../2026/TT-BXD ngày 04.../11.../2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

## Phụ lục I
## DANH MỤC VẬT LIỆU XÂY DỰNG, THÔNG SỐ DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THỬ

| TT | Nhóm/loại vật liệu | Đặc tính nhiệt công bố trên nhãn năng lượng | Tiêu chuẩn thử nghiệm |
|---|---|---|---|
| **I** | **Nhóm 1** | | |
| 1 | ***Kính xây dựng***:<br>1.1. Kính nổi<br>1.2. Kính tấm xây dựng sản xuất theo phương pháp kéo ngang hoặc kéo đứng<br>1.3. Kính cán hoa văn<br>1.4. Kính phẳng tôi nhiệt<br>1.5. Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp<br>1.6. Kính phủ bức xạ thấp (Low-E)<br>1.7. Kính phủ phản quang<br>1.8. Kính hộp gắn kín cách nhiệt<br>1.9. Kính màu hấp thụ nhiệt<br>1.10. Kính tự đổi màu<br>1.11. Kính tích hợp pin năng lượng mặt trời<br>1.12. Kính cốt lưới thép | Hệ số truyền năng lượng mặt trời tổng cộng (g-value); trường hợp tiêu chuẩn áp dụng sử dụng ký hiệu SHGC thì thể hiện theo tiêu chuẩn đó. | TCVN 7737:2023 (ISO 9050) đối với các thông số quang học và năng lượng mặt trời của kính. |
| 2 | ***Sơn tường dạng nhũ tương*** (dùng cho lớp vỏ công trình). | Chỉ số phản xạ năng lượng mặt trời SRI. | TCVN 14358:2025 (ASTM E1980). |
| 3 | ***Tôn lợp và tấm ốp kim loại:***<br>3.1. Tôn lợp<br>3.2. Tấm ốp kim loại | Chỉ số phản xạ năng lượng mặt trời SRI đối với bề mặt lợp hoặc lớp phủ bề mặt tiếp xúc trực tiếp với bức xạ mặt trời; hệ số dẫn nhiệt λ (W/m.K) đối với sản phẩm lợp dạng khối/tấm có chức năng cách nhiệt. | SRI: TCVN 14358:2025 (ASTM E1980).<br>λ: TCVN 14356:2025 (ISO 8301) hoặc TCVN 14357:2025 (ISO 8302). |
| **II** | **Nhóm 2** | | |
| 4 | ***Tấm xốp cách nhiệt (polystyrene, polyurethane và các loại khác)*** | Hệ số dẫn nhiệt λ (W/m.K) | TCVN 14356:2025 (ISO 8301) hoặc TCVN 14357:2025 (ISO 8302) |

| TT | Nhóm/loại vật liệu | Đặc tính nhiệt công bố trên nhãn năng lượng | Tiêu chuẩn thử nghiệm |
|---|---|---|---|
| 5 | ***Vật liệu xây không nung:***<br>5.1. Gạch bê tông khí chưng áp<br>5.2. Tấm tường bê tông khí chưng áp cốt thép<br>5.3. Tấm tường rỗng bê tông đúc sẵn theo công nghệ đùn ép<br>5.4. Tấm tường nhẹ 3 lớp xen kẹp<br>5.5. Gạch bê tông nhẹ<br>5.6. Tấm bê tông nhẹ (bê tông bọt, bê tông khí không chưng áp, bê tông cốt liệu nhẹ). | Hệ số dẫn nhiệt λ (W/m.K) | TCVN 14356:2025 (ISO 8301) hoặc TCVN 14357:2025 (ISO 8302) |
| 6 | ***Tấm trần vách ngăn:***<br>6.1. Tấm thạch cao<br>6.2. Panel thạch cao cốt sợi<br>6.3. Panel thạch cao sợi thủy tinh<br>6.4. Tấm trần, vách ngăn sử dụng chất kết dính xi măng<br>6.5. Tấm composite | Hệ số dẫn nhiệt λ (W/m.K) | TCVN 14356:2025 (ISO 8301) hoặc TCVN 14357:2025 (ISO 8302) |

# Phụ lục II
# MẪU GIẤY CÔNG BỐ HOẠT ĐỘNG DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG ĐỐI VỚI VẬT LIỆU XÂY DỰNG

***Mẫu số 01***

| | |
|---|---|
| **TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ DOANH NGHIỆP NHẬP KHẨU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*……, ngày …… tháng …… năm ……*

Số: ……/……

## GIẤY CÔNG BỐ DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG ĐỐI VỚI VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Kính gửi: Bộ Xây dựng

Tên cơ sở/doanh nghiệp công bố: .....
Mã số doanh nghiệp/mã số thuế: .....
Địa chỉ trụ sở chính: .....
Địa chỉ cơ sở sản xuất: .....
Điện thoại: ..... Email: .....
Người đại diện theo pháp luật: ..... Chức vụ: .....

Căn cứ Thông tư số ……/2026/TT-BXD ngày …… tháng …… năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định việc dán nhãn năng lượng đối với vật liệu xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, chúng tôi công bố nhãn năng lượng đối với các sản phẩm vật liệu xây dựng tại Danh mục kèm theo Giấy công bố này.

Các tài liệu kèm theo Giấy công bố gồm: thông số kỹ thuật của vật liệu xây dựng; kết quả thử nghiệm đặc tính nhiệt; mẫu nhãn năng lượng dự kiến theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 30/2026/NĐ-CP.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ công bố, kết quả thử nghiệm, thông tin trên nhãn năng lượng và việc duy trì sự phù hợp của sản phẩm với thông tin đã công bố.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:*** | **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ/DOANH NGHIỆP** |
| - Như trên; | *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)* |
| - UBND tỉnh/thành phố ….; | |
| - Lưu: ……. | |

## DANH MỤC SẢN PHẨM VẬT LIỆU XÂY DỰNG CÔNG BỐ DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG

*(Kèm theo Giấy công bố số …… ngày …… tháng …… năm ……)*

| TT | Tên sản phẩm | Kiểu, loại | Nhãn hiệu | Xuất xứ/cơ sở sản xuất | Đặc tính nhiệt công bố trên nhãn năng lượng | Tiêu chuẩn thử nghiệm | Số, ngày phiếu kết quả thử nghiệm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

*Mẫu số 02*

(Tên cơ quan chủ quản)
**Tên tổ chức thử nghiệm**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ……/……

*……, ngày …… tháng …… năm ……*

**GIẤY CÔNG BỐ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM ĐẶC TÍNH NHIỆT CỦA VẬT LIỆU XÂY DỰNG PHỤC VỤ CHO HOẠT ĐỘNG DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG**

Kính gửi: Bộ Xây dựng

1. Tên tổ chức thử nghiệm: .....
2. Địa chỉ: ……3. Điện thoại: ..... Email: .....

Được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm số ….., cấp *(ngày/tháng/năm)* do (*tên cơ quan cấp*).

Căn cứ Thông tư số ……/2026/TT-BXD ngày …… tháng …… năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định việc dán nhãn năng lượng đối với vật liệu xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, chúng tôi xin gửi thông tin về hoạt động thử nghiệm đặc tính nhiệt cho vật liệu xây dựng để dán nhãn năng lượng theo Giấy chứng nhận như sau:

| TT | Nhóm/loại vật liệu | Chỉ tiêu/Thông số thử nghiệm | Tiêu chuẩn thử nghiệm *(Ký hiệu, năm ban hành)* | Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm | Phạm vi thử nghiệm đã đăng ký | Thời hạn hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | *(Ví dụ: Kính xây dựng)* | *(Hệ số truyền năng lượng mặt trời tổng cộng - g-value)* | *(TCVN 7737:2023 / ISO 9050)* | *Số …… cấp ngày …… bởi cơ quan có thẩm quyền* | *Phạm vi được cấp* | *Từ ….đến ……* | |
| | | | | | | | |

Chúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin kê khai và việc đáp ứng điều kiện đối với phòng thử nghiệm theo Điều 10 Thông tư số ……/2026/TT-BXD; đề nghị Bộ Xây dựng công khai thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- UBND tỉnh/thành phố….;
- Lưu: …….

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM**
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

## Phụ lục III

## MẪU NHÃN NĂNG LƯỢNG ĐỐI VỚI VẬT LIỆU XÂY DỰNG

| Mẫu nhãn | Phạm vi sử dụng |
|---|---|
| Tên/viết tắt cơ sở/doanh nghiệp: ……..<br>Sản phẩm/model: …….<br>λ = …….. W/m.K<br>Tiêu chuẩn/phương pháp thử: TCVN/ISO ……<br>Mã tra cứu: QR/URL …… | Mẫu nhãn đối với vật liệu công bố hệ số dẫn nhiệt |
| Tên/viết tắt cơ sở/doanh nghiệp: AAAA<br>Sản phẩm/model: BBBB<br>SRI = YYYY<br>Tiêu chuẩn/phương pháp thử: TCVN/ASTM ……<br>Mã tra cứu: QR/URL …… | Mẫu nhãn đối với vật liệu công bố chỉ số SRI |
| Tên/viết tắt cơ sở/doanh nghiệp: AAAA<br>Sản phẩm/model: BBBB<br>SHGC/g-value = YYYY<br>Tiêu chuẩn/phương pháp thử: TCVN/ISO ……<br>Mã tra cứu: QR/URL …… | Mẫu nhãn đối với kính |

*Ghi chú: Màu sắc, biểu tượng nhận diện, mã truy xuất thông tin điện tử và yêu cầu đồ họa chi tiết do đơn vị tự công bố trên cổng thông tin điện tử hoặc hệ thống thông tin chuyên ngành; trường hợp có quy định khác của pháp luật về nhãn năng lượng thì thực hiện theo quy định đó.*

**Phụ lục IV**
**MẪU BÁO CÁO THỰC HIỆN DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG ĐỐI VỚI VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

***Mẫu số 01***

| | |
|---|---|
| **TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ DOANH NGHIỆP NHẬP KHẨU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……/…… | *……, ngày …… tháng …… năm ……* |

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT/DOANH NGHIỆP NHẬP KHẨU VẬT LIỆU XÂY DỰNG PHẢI DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố …….
- Bộ Xây dựng.

Tên cơ sở/doanh nghiệp: .....Mã số doanh nghiệp/mã số thuế: .....
Địa chỉ trụ sở chính/cơ sở sản xuất, kho bãi (nếu có): .....
Điện thoại: ……..…… Fax: ……..……Email: ……..……
Căn cứ các quy định tại Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định việc dán nhãn năng lượng đối với vật liệu xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng báo cáo những nội dung sau:

| STT | Tên sản phẩm | Cơ sở sản xuất | Xuất xứ | Kiểu, loại | Đặc tính nhiệt công bố trên nhãn năng lượng | Tiêu chuẩn thử nghiệm | Sản lượng sản xuất/nhập khẩu | Sản lượng tiêu thụ trong kỳ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Sản phẩm 1 | | | | | | | | |
| 2 | Sản phẩm 2 | | | | | | | | |
| … | ……. | | | | | | | | |

Kiến nghị, đề xuất (nếu có): .....

Chúng tôi cam kết nội dung báo cáo là chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung báo cáo.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ/DOANH NGHIỆP**
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)*

***Nơi nhận***:
- Như trên;
- Lưu: …….

*Mẫu số 02*

| | |
|---|---|
| ỦY BAN NHÂN DÂN ……. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **(Cơ quan quản lý chuyên ngành)** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……/…… | *……, ngày …… tháng …… năm ……* |

**BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG ĐỐI VỚI VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

Kính gửi: Bộ Xây dựng

Căn cứ các quy định tại Thông tư số ……./2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định việc dán nhãn năng lượng đối với vật liệu xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, UBND tỉnh/thành phố …….. báo cáo tình hình dán nhãn năng lượng đối với vật liệu xây dựng trên địa bàn như sau:

| STT | Tên cơ sở sản xuất/ Doanh nghiệp nhập khẩu | Tên sản phẩm | Xuất xứ | Kiểu, loại | Đặc tính nhiệt công bố trên nhãn năng lượng | Tiêu chuẩn thử nghiệm | Sản lượng sản xuất/nhập khẩu | Sản lượng tiêu thụ trong kỳ | Kết quả kiểm tra trong kỳ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| ***I*** | ***Cơ sở 1*** | | | | | | | | | |
| 1 | | Sản phẩm 1 | | | | | | | | |
| 2 | | Sản phẩm 2 | | | | | | | | |
| … | | ……. | | | | | | | | |
| ***II*** | ***Cơ sở 2*** | | | | | | | | | |
| 1 | | Sản phẩm 1 | | | | | | | | |
| 2 | | Sản phẩm 2 | | | | | | | | |
| … | | …….. | | | | | | | | |

Đánh giá tình hình thực hiện: (*Kết quả thanh kiểm tra; biện pháp xử lý vi phạm (nếu có), các khó khăn vướng mắc (nếu có),….*).

Đề xuất, kiến nghị (nếu có):……

UBND tỉnh/thành phố …… gửi Bộ Xây dựng để tổng hợp./.

***Nơi nhận***:
- Như trên;
- Lưu: VT, …….

**CƠ QUAN QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH**
*(Chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu)*